BẢN LUẬN QUYỂN 14

Thêm ba, có ba mươi thứ môn. Nói mười tướng, nghĩa là hoại sinh mạng v.v... Chữ "hoại" ở đây là nói chung cho mười nghiệp ác trở xuống, vì quan hệ với tướng nghĩa. Y cứ ở tướng nghĩa này để nói về ba môn chủng căn dùng làm môn đầu. Ngữ tạp nhạp, nhơ bẩn, gọi là hoại. Sự nghiệp đã làm. Nghĩa là đối với sự nghiệp chân chính, không chân chính, mà nói, gọi là vì nói lời thêu dệt.

Trong ba môn. Luận sư Thái nói: "Bỏ bảy sắc thiện, gọi là nghiệp hủy hoại. Hoại Vô tham, sân, sinh ý lạc thiện, gọi là ý hủy hoại. Hoại các tánh phương tiện như Từ-bi v.v... gọi là phương tiện hoại.

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Bảy thứ tác nghiệp hủy hoại trước, nghĩa là vì bên ngoài, phô bày thân, ngữ mà tạo nghiệp.

Theo thứ lớp đó, hai thứ ý nghiệp hủy hoại, đó là Vô tham, Vô sân, chánh ý lạc.

Một thứ phương tiện hủy hoại sau cùng, nghĩa là chánh kiến, chính là nhân của chánh trí.

Nói ba căn: Luận sư Cảnh nói: "Ba thứ tham, sân, si năng sinh ra mười môn nghiệp đạo."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Ở đây Nói mười nghiệp là lấy tham, sân, tà kiến làm gia hạnh, tùy theo sự thích ứng làm rốt ráo. Hoặc đây là nói riêng về ba nghiệp đạo của ý."

Bị Luận sư nói: "Hỏi: "Nghiệp đao tà kiến chẳng phải là căn bất thiện, đâu thuộc về ba căn? Vấn đề này có ba giải thích:

1/ Nói tà kiến tuy chẳng phải căn, nhưng từ nhiều gọi là Căn.

2/ Nói tà kiến vì đều khởi các căn si, nên theo nhau gọi là căn.

3/ Nói căn thứ ba, tức là Vô minh. Do tham, sân, si, vì mười nghiệp rốt ráo, nên lập làm căn. Không y cứ mười nghiệp gồm thâu thành ba căn.

Văn của môn thứ hai được chia làm hai:

1/ Nói về ba pháp dựa vào bốn Xứ, sinh ra ba Tầm.

2/ Nhân nói về bốn thứ của pháp nội.

Trong phần đầu, tham dục là nhân, sinh tử tăng trưởng, gọi là hạt giống của tà pháp.

Dựa vào bốn nơi chốn.

1/ Bốn bạch pháp như lợi v.v... của tự thân.

2/ Oán.

3/ Vừa chừng.

4/ Thân.

Bốn phẩm bạch; đó là Lợi, dự, xưng, lạc.

Bốn phẩm hắc, đó là suy, hủy, cơ, khổ:

1/ Đối với lợi của mình, nảy sinh Tầm, Tư dục, vì mong cầu được, không mất.

2/ Đối với các oán phẩm, nảy sinh Tầm, Tư Nhuế, cho đến vì muốn cho mạng người kia bị cắt đứt.

3/ Đối với phẩm bạn thân, sinh ra Tầm, Tư hại, chỉ vì tổn não.

Luận Bà-Tu-Mật quyển hai nói: "Hai thứ lợi, suy, nếu dựa vào hữu tình, lấy mười bảy giới. muời một Xứ, năm uẩn làm tánh, trừ âm thinh xa, vì không thành chất. Nếu đối với phi tình, lấy bốn giới, bốn Xứ,một uẩn làm Thể, trừ âm thinh như trước."

Theo Tỳ-Bà-sa thì: Lấy mười tám giới; mười hai Xứ và năm uẩn làm Thể. Dựa vào phi tình, sáu cứ làm thể, năm trần và bốn tướng."

Theo Luận Câu-xá của Sư kinh bộ nói: "Suy không có tự thể riêng, vì mất vật, gọi là "suy". Nay, vì y cứ ở người hay mất để nói về "suy", nên lấy mười tám giới làm thể. Trái với suy, nói về lợi, cũng lấy muời tám giới làm tánh.

Xưng, hủy, dự, cơ, luận Bà-Tu-Mật cho rằng, Thể của chúng đều là tiếng. tát-Bà-Đa thì cho l à: danh, cú, văn-thân. Ở đây kết hợp lấy tiếng, danh, cú, văn làm thể; Thể của hai thứ Khổ, vui tức là thọ. Như Luận Phật Địa nói tưởng mà không ngoài Thể.

Cõi phiền não. Nghĩa là hướng về quả, tức là ở nhân mong cầu "dục hữu", tà phạm hạnh khởi lên. Đây là y cứ phiền não để nói về ba mong cầu. Dưới đây, là y cứ ở con người để nói về ba mong cầu, nên thành hai môn.

Trong ba oai thế, vì thần thông vượt hơn, nên chỉ nói về sai của "sinh hữu" trong "nghiệp hữu", cũng có thể vua thuộc trong dị thục, hường về "Hữu" và Sinh, Bản, Tử hữu.

Trong ba Vô minh đều nói là mé trước. Nghĩa là Vô minh phát nghiệp, gọi là mé trước; Vô minh nhuận sinh, gọi là mé sau.

Ba suy thối. Nghĩa là Hữu hoc phàm phu, do nói bậc Thánh chưa rốt ráo, nên biết Hữu học đều có ba thối lui: có thối lui bệnh, già và chết.

Chi quả Dự Lưu trong ba cao cử, nghĩa là nếu theo Bà-sa, thì chi quả Dự Lưu có bốn thứ pháp:

1/ Gần bạn lành.

2/ Nghe pháp.

3/ Suy nghĩ đúng như lý.

4/ Tùy pháp hạnh.

Trong đây, nói chung là chi quả. Dưới đây, nói về bốn chứng trong bốn pháp. Về nghĩa của chi Dự Lưu, đồng với Bà-sa.

Sở y của ba ngôn thuyết là tướng dứt bặt, không thể nói năng. Chẳng phải như hữu vi ba đời có các thứ khác nhau về sinh, diệt v.v... nên nói là năng sinh.

Lại có ba tướng có công năng gồm thâu tất cả tự tướng v.v... của sắc pháp. Văn chia làm hai:

1/ Nói về sắc nhập, chia làm ba tướng, đó là Hiển sắc, Hình sắc và Biểu sắc.

2/ "Đối với nơi chốn của mình..." trở xuống, nhân luận sinh luận, đại khái nói về các sắc. Tổng cộng có mười Sắc và Sắc của Địa định.

- Hỏi: "Vì sao không nói Vô tác v.v... của cõi Dục?

- Đáp: "Vì bỏ giả, nói về thật, cho nên không nói."

Luận sư Cảnh nói: "Nếu được định tịnh, cho đến chưa mãn quả của tâm biến hóa: Nghĩa là nếu theo chánh lý, thì sẽ có ba thứ tâm:

1/ Định tịnh.

2/ Thể của thần thông.

3/ Quả của thần thông. Nghĩa là tâm biến hóa này, tông Đại thừa nói đều là hệ thuộc Sắc, trong đó, bốn tâm là đối tượng biến hóa của cõi Dục, nghĩa là tướng phần biến hóa, tùy thuộc ở Kiến phần, đều hệ thuộc trói buộc cõi Sắc. Nhưng với hữu tình cõi Dục, tâm biến hóa khác với bản chất, khiến cho thức của người khác thay đổi.

Nói cảnh giới của hóa tâm nội. Nghĩa là dựa vào định tịnh, tạo ra sắc biến hóa, hiểu là biến hóa dẫn sinh tâm người khác. Trong khoảng tâm chưa được, thì phải tịnh định tâm, tất cả các sắc. Phải, tịnh định cảnh như thế, tịnh định là khởi nhân biến hóa, cũng gọi là Sắc biến hóa.

Mười bốn tâm biến hóa, ngoài định là tâm tán, vì phân biệt ngoài định kia, nên gọi là hóa tâm nội, tức là sắc do định tịnh này hiện ra cũng gọi là quả của tâm biến hóa chưa mãn. Nếu khởi hóa tâm thì gọi là quả đã mãn của tâm biến hóa.

Mười tám giới nội dường như cõi Dục mà chẳng phải cõi Dục, là tướng phần của hóa tâm, tướng của cõi trên. Nếu tâm vô lậu cõi Dục kia biến hóa giống như tướng ba cõi thì gọi là ba cõi, thật ra chẳng phải ba cõi, làvì Vô lậu. Đức Phật thể hiện việc biến hóa cũng thế.

- Nếu vậy, tướng đã biến hóa của người biến hóa, người khác có được nhìn thấy không?

- Giải thích rằng: "Dù chẳng nhìn thấy trần mà người khác đã hóa sinh ra, nhưng do sức tăng thượng của trần mà người khác đã biến hóa, nên người khác đã được biến hóa, mới trông giống với tướng mà người biến hóa đã hóa hiện ra.

- Nếu vậy, hương, vị hóa ra có trói buộc cõi trên hay không? Giống như hương, vị mà thật sự chẳng phải hương, vị, đến nỗi để cho có hương, vị của cõi trên, cũng không trở ngại khó khăn, tức là y theo nghĩa này giống nhu cõi Dục mà chẳng phải cõi Dục. Như thế, giống như mười tám giới mà chẳng phải mười tám giới, chỉ thuộc về pháp giới."

Luận sư Bị nói: "Sắc có ba tướng:

1/ Có đối, có kiến, tức là biểu hiển hình.

2/ Có đối không có kiến, tức là cảnh giới định.

3/ Không có đối, có kiến: là tất cả cảnh, phải biết rằng, tất cả ba tướng đều có hai thứ:

a/ Mười sắc: Là hai tướng trước.

b/ Sắc định: Tức là tướng thứ ba.

Sắc cảnh sở duyên của ba giải thoát đầu tiên trong tám giải thoát, vì chưa hội nhập cảnh "sở duyên" trước của tâm quả chánh thật, nên gọi là chưa mãn."

Luận sư Thái nói: "Từ định tịnh khởi ra quả chung. Tâm của quả chung được dẫn đến hóa tâm thật, cho nên lúc tu phương tiện, đã được tâm tưởng biến hóa, phải biết, sắc này đều là cảnh của hóa tâm nội, thuộc về Pháp Xứ, chưa có khả năng khiến cho người khác thấy rõ biến hóa ra trần. Tâm của quả thông được gọi là tâm chưa mãn; đối tượng Hiển Sắc nọ cũng là quả của hóa tâm chưa mãn. Nếu từ tâm của quả chung khởi biến hóa đầy đủ thì các sắc đã được biến hóa, sẽ có thể khiến cho người khác thấy, nghe, hay, biết, tức thật biến hóa, thuộc về mười sắc, tùy tâm "năng biến" mở ra Địa hệ thuộc giới."

Pháp sư Khuy Cơ có hai giải thích:

1/ Ba thứ sắc này đều gồm thâu hết tất cả sắc.

a/ Sắc có kiến, có đối. Nghĩa là: Hiển, Hình, Biểu sắc. Biểu trong đây gọi là tác dụng, nghĩa Biểu tác, biểu thị tác dụng.

b/ Sắc không có kiến, có đối. Nghĩa là bốn sắc trần khác của năm căn. Luận rằng: "Đối với Xứ của mình bị các sắc v.v... khác chướng ngại..." trở xuống, là tổng kết hai sắc trên:

Nói "Nên biết, tất cả gồm có mười sắc.

c/ Sắc không có kiến, không có đối, nên nói rằng: "Và sắc của Địa định."

Nay, nói ba sắc thuộc về thân mình, cho nên, chỉ nói về các sắc mà người tu phương tiện kia đã có, tức là cảnh của hóa tâm nội, cũng là quả của hóa tâm chưa mãn. Nếu chính là sắc mà quả chung đã biến hóa, thì cũng thuộc về người khác, nên ở đây không nói. Lại, nếu được định tịnh là sắc của quả chung thì người tu phương tiện, là người đó nhân sắc, sắc của quả Thông của họ, tức là cảnh của hóa tâm nội. Sắc của phương tiện kia, chính là quả của hóa tâm chưa mãn, vì cảnh là quả của tâm."

2/ Nói "Ba tướng, Nghĩa là chỉ ba Hiển, Hình, Biểu trong Sắc Xứ rất vượt hơn, cho nên nói riêng.

Đối với Xứ của mình đã bị sắc khác gây chướng ngại: nghĩa là nhân trước, sau, mà nói mười một thứ sắc.

Ba pháp quán tánh Vô thường của thân, ngữ, ý. Nghĩa là do hơi thở ra, vào vì sắc thân chuyển động, nên thân là Vô thường; do Tầm, Từ, mà tiếng nói được khởi, nên ngữ là Vô thường; do tưởng, tư, nêu ý được hiện hành ra đời, nên ý là Vô thường.

Ba nêu tội: Thấy, nghe, nghi. Trong ba dục, phần nhiều dùng công sức nương tựa, "duyên" các dục, nghĩa là hiện tiện bám trụ tất cả các dục: Bốn dục dưới, trời dục, phần nhiều dựa vào các duyên hiện tiền sinh khởi; dụng công niệm, tưởng, mới từ cõi kia sinh, hoặc do công dụng của nghiệp Dị thục, mới bắt đầu thành thục.

Ba giác ngộ: Ba, cũng là ba tuệ, như thứ lớp phối hợp, dù ba thừa sau đều có ba tuệ, nhưng vì y cứ ở tưởng tăng, cho nên nói thế.

Ba nhãn: Là Pháp nhãn, vì cũng được xếp vào tuệ. Luận này nói về nhân, quả ba thừa đồng có, không nói Phật nhãn. Nếu theo Hoa Nghiêm thì có mười nhãn, ba thứ tâm một tánh cảnh ."

Như thứ lớp đó, tức là đầu tiên, tập nghiệp xong, tập hạnh xong, vượt qua ba thứ tác ý tương ưng với định. Lại, thứ nhất là văn tuệ, Tư tuệ; thứ hai, là tu tuệ thế gian; và thứ ba, là tuệ tương ưng với định.

Thứ ba, là vượt qua. Nghĩa là trí phân biệt tương ưng với định. Lại, văn, tư, tu tương ưng với Đẳng-trì, sinh ra chân trí kiến Vô lậu.

Hành, nghĩa là chủ thể duyên (năng duyên). Tướng, là Thể của cảnh. Vì là tướng của hành sở hành, nên gọi là Hành tướng. Hành tướng này thông qua nghĩa Đẳng-trì Vô lậu. Giải thích về trí Vô phân biệt, vì không có hành tướng. Hoặc vì tướng trạng của hạnh giải, nên gọi là Hành tướng.

Trên đây là dựa vào giai đoạn của ba tuệ hữu lậu để giải thích.

Đối trị ngoại đạo lấy nước để rửa sạch vết bẩn, nhằm nói ba tịnh nghiệp: Tức là ba tịnh nghiệp thân, ngữ, ý.

Nói chỗ sinh bất tịnh, vì vượt qua nhân, nghĩa là ba đường ác, tám không rảnh rang, gọi là chỗ sinh bất tịnh.

Hai tịnh nghiệp, gọi là vượt qua nhân kia.

Ba nghiệp Mâu-ni: tức là ba nghiệp thiện.

Ba pháp, trừ tầm bất chánh, nghĩa là do người khác bị chê bai, cho đến khởi tàm quý, ái kính, nghĩa là đối với người khác bị chê bai, cảm thấy thẹn, vì nhìn người khác xấu hổ. Về phần mình bị chê bai, cảm thấy tủi hổ, vì gẫm lại mình mà hổ thẹn.

Thối lui, mất lợi lớn, nhận thức sâu sắc về nhân duyên, sinh gấp bội tin tưởng dần, gọi là yêu kính, nên gọi là mất lợi lớn.

Hoặc đối với ba Xứ, đều có thể khởi cả ba, không cần phối hợp riêng.

Ba thứ Vô thượng hơn hết:

1/ Trí vô thượng. Nghĩa là trí Vô ngã trong ba trí là căn bản. Hai trí đều là phương tiện, do ba trí này thể nhập Đế quán, cho nên nói riêng.

2/ Hạnh vô thượng. Nghĩa là bốn Hạnh tích.

3/ Giải thoát Vô thượng. Nghĩa là giải thoát của tâm bất động. Đối với giải thoát của thế gian, xuất thế gian, giải thoát của Hữu học, vô học; và thời giải thoát, giải thoát của tâm bất động kia là tối vô thượng.

Ba minh. Nghĩa là do ngu các pháp nhân duyên của đời trước, nên khởi thường kiến; vì ngu pháp quả mé sau nối nhau, nên Khởi đoạn kiến. Vì các phiền não ngu hết, an trụ Niết-bàn, nên Khởi tà kiến. Vì lìa ba thứ ngu này, nên lập ba minh.

Trong tăng bốn, có bốn mươi sáu môn, cũng có Tương vì là một môn.

Niệm trụ. Thể tức là tuệ, vì tương ưng với Niệm, tuệ, mới trụ cảnh.

Nói có bốn pháp năng gồm thâu tất cả sở tri và trí. Nghĩa là tất cả các pháp không ngoài Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Tất cả trí tuệ đều không ngoài thể của bốn Niệm, trụ, vì tất cả trí đều "duyên" bốn cảnh như thân v.v... mà Khởi.

Bốn thứ ràng buộc. Luận sư Cảnh nói: "Đại khái năm uẩn là bốn cảnh, bốn cảnh tức là sự ràng buộc, bởi vì tướng cảnh giới hay ràng buộc tâm, nên hay "duyên" phiền não, gọi là sự buộc ràng thô nặng.

Luận chép: "chấp lấy sự ràng buộc, nghĩa là lấy sắc thân kia làm chỗ chấp cho Lại-da. Đối tượng chấp lấy này tạo ra cảnh ràng buộc tâm, gọi là sự ràng buộc chấp lấy. Cũng có thể cảnh sắc năng trói buộc tâm

chấp lấy, gọi là sự ràng buộc chấp lấy.

Nói về văn dưới đây, thì nói Mạt-na là ràng buộc tướng Mạt-na, bên trong ràng buộc tướng Lại-da mà khởi, gọi là ràng buộc tướng. Phải biết rằng, tâm đối với thân, do chấp lấy chủ thể ràng buộc, nghĩa là khi tâm sinh chấp lấy sắc thân, tức là bị cảnh giới của thân kia ràng buộc.

Nói đối với Thọ, do sự ràng buộc của lãnh, thọ bên trong, tức Thọ là, cảnh giới sinh ra tâm chấp lấy, chấp ba thọ kia nhất định hay lãnh nạp. Về sau, dùng Thọ niệm trụ đối trị.

Nói đối với tướng của cảnh giới như sắc v.v... do phân biệt rõ chủ thể ràng buộc, đối tượng bị ràng buộc, đều chấp Thức uẩn phân biệt rõ (liễu biệt) cảnh trước, và Tưởng uẩn chấp lấy tướng cảnh giới, tức là Thức uẩn kia và Tưởng uẩn bị cảnh ràng buộc. Về sau, lấy tâm niệm trụ làm đối trị.

Nói "Tức đối với thân đã nói v.v... là do Đại, Tiểu phiền não như tham, sân, v.v... chấp mắc chủ thể ràng buộc (năng phược), đối tượng ràng buộc (sở phược). Nghĩa là chấp Đại, Tiểu, phiền não trong Hành uẩn, "duyên" thân v.v... mà sinh, tức Hành uẩn đó, dựa vào sinh mà ràng buộc. Về sau, lấy pháp Niệm trụ làm đối trị."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Bốn ràng buộc, nghĩa là chấp ngại tâm kia, nên gọi là ràng buộc, chẳng phải tâm, mà chủ yếu là tánh ràng buộc của phiền não, do tâm dựa vào chấp thân làm tự, thể, ma thân lại ràng buộc tâm. Do tâm đều thọ lãnh sâu sắc đối tượng duyên, tức là ràng buộc đều có với tâm. Do tâm phân biệt hiểu rõ về sắc v.v... là cảnh giới. Cảnh bị phân biệt chính là câu thúc nơi tâm, tức do ba pháp thân v.v... như trước tương ưng với phiền não, vì đều có nhiễm não tâm, nên gọi là ràng buộc.

Quán cảnh bốn vi, sinh, chán tai hoạn sâu sắc, lập bốn Niệm trụ. Thân nội bi nương tựa ràng buộc tâm hay nương tựa "năng duyên" (chủ thể duyên) đều thọ năm phần vị, phân biệt thường và tâm đều đi chung. Cảnh giới bị phân biệt ràng buộc tâm, chủ thể phân biệt, và các phiền não tạp nhiễm đều đi chung với tâm, cho nên lập bốn ràng buộc.

Lại, có bốn thứ dục, siêng năng là trước, cho đến được pháp thiện và làm cho tăng trưởng, tức là bốn chánh đoạn. Đoạn các pháp bất thiện hiện hành, là Luật nghi đoạn. Dứt sự trói buộc kia, nghĩa là đoạn đoạn. Vì pháp ác chưa sinh, gọi là trói buộc kia, nên hay được pháp thiện, nghĩa là tu tập đoạn, và năng tăng trưởng, nghĩa là ngăn ngừa, giữ gìn đoạn (phòng hộ đoạn).

Lại có bốn thứ là tâm dục trụ, cho đến quán sát các pháp. Đây là

giải thích về bốn thần túc. Về nghĩa có hai lớp:

1/ Lấy Thể định làm thần, vì tác dụnh khó so lường. Dục v.v... làm nhân sinh định, gọi là Túc. Y cứ ở bốn túc kia lấy định đã sinh.

2/ Dựa vào công đức của định, gọi là Thần, vì khó xét nghiệm so lường. Bốn thứ như, cần v.v... sinh ra thể của định, và công đức do kia sinh ra là Túc.

Lại có bốn thứ tâm định, tâm trụ. Nghĩa là phân biệt Địa tán, gọi là tâm định, trong trụ một cảnh, gọi là trụ tâm.

Bốn thứ Sở tri chân thật, tức là bốn Đế. Bốn thứ tưởng là sự ràng buộc của hí luận ở trước. Nghĩa là vì dựa vào bảy Hữu tướng, nên trừ Hữu Đảnh.

Xả Vô lượng chỉ nói trừ dục tham, nghĩa là đồng với Luận Trí Độ, như hội trong ký quyển mười hai có nói.

Lại, có bốn thứ chí lạc để tu Chánh đạo. Ở đây, giải thích bốn Thánh chủng. Trong đây, "cho đến tâm lìa tán loạn", là giải thích ba chủng Thánh.

Kế là "người ưa dứt trừ phiền não, tu Chánh đạo, đó là chủng Thánh thứ tư.

Kế là nói về bốn thứ chi Dự Lưu, tức là bốn Bất hoại tịnh, hai tín, giới làm Thể.

Lại, nói về bốn chi Dự Lưu, lại đồng với Bà-sa.

Bốn trí là:

1/ "Duyên" cõi Dục, gọi là hiện thấy, tức là Pháp Trí.

2/ Chẳng phải hiện thấy, tức là Tỷ Trí.

3/ Đẳng-trí.

4/ Trí tha tâm. Pháp sư Khuy Cơ giải thích: "Trí Tha tâm hữu lậu không biết tâm vô lậu, cũng không biết tâm kia năng "duyên" Tự chứng phần v.v... Không biết "trí năng tri " kia, nghĩa là vì tự tâm không tự thấy. Trí Tha tâm vô lậu có thể biết tâm hữu lậu, vô lậu, cũng biết trí "Năng tri".

Ba phần chung sau trí Phật có thể tự biết, nhưng chưa hẳn tạo ra bốn hạnh cũng Đạo, cũng chưa hẳn chung với người khác.

Nay, giải thích rằng: "Trí tha tâm có cả hữu lậu không biết tâm vô lậu: Đây là y cứ ở Nhị thừa mà nói thế này: "Trí tha tâm hữu lậu của Bồ-tát vì cũng có thể biết tâm vô lậu, nên Luận Trí Độ quyển bốn mươi nói: "Bồ-tát chưa thành Phật, làm sao biết được tâm vô lậu của Thanh văn, Bích Chi Phật?"

Đáp: "Đối với pháp Thanh văn của ông, Bồ-tát trong Ma ha diễn

lại được Pháp Nhẫn Vô sinh dứt trừ kiết, sử, đời đời thường không mất sáu thần thông, do Trí tha tâm hữu lậu có thể biết tâm vô lậu, huống chi dùng Trí tha tâm vô lậu.

Lại, Trí tha tâm không của Bồ-Tát trong Đại thừa biết vô lậu của ba cõi. Tất cả tâm, tâm pháp đều có thể thông đạt, như trong Luận Thập Địa nói: "Sinh, nghĩa là tâm trong con người nhỏ hẹp; tâm của các trời cõi Dục rộng. Hai tâm giải thoát của cõi Vô Sắc, Trời Sắc, cho đến vô lượng. Như kinh nói: "Tâm nhỏ, tâm rộng, tâm vô lượng." Bồ-tát dùng trí tha tâm niệm biết như thật."

Hỏi: "Vì sao không nói là biết tâm của bốn Vô Sắc, mà chỉ nói hai giải thoát của Vô Sắc?"

Đáp: "Vì tâm của hai "không ở trên, chẳng phải vô biên, chẳng phải vô lượng, cho nên không nói."

Kế là Trí Bốn Đế, lại, có bốn pháp hay dứt hết lậu, có ba thuyết:

1/ "Tức bốn pháp tích, trong đạo Vô học, Tu đạo, Kiến đạo, của bảy phương tiện, vì khả năng dứt hết lậu trên, nên là dấu tích đủ."

2/ Bốn dấu tích (dấu ấn):

a/ Được tuệ hữu lậu, tức là bảy phương tiện.

b/ Địa vị Kiến đạo đã thiếu các phiền não và việc nghiệp quả .

c/ Địavị Tu Đạo Vô dư, dứt hẳn các sự phiền não.

d/ Vọ học đạo Vô dư, dứt trừ hẳn các sự phiền não. Thông suốt qua ba Xứ trên, trừ tuệ hữu lậu.

3/ "a/ Tuệ hữu lậu là Đạo gia hạnh.

b/ Đạo vô gián thiếu các phiền não.

c/ Đạo giải thoát thiếu các sự, trừ các thô nặng và pháp quả.

d/ Vì Vô dư dứt các sự phiền não. Như, trước đã được chuyển đổi lại tu tập là Đạo Thắng Tấn.

1/ Hộ. Luận sư Thái nói: "Y cứ Thích Luận của Tối thắng tử nói: "Lìa bất bình đẳng, gọi là Mạng hộ; uống ăn biết độ lượng, gọi là Lực hộ; tư duy, lựa chọn, tu tập hai lực, tức Phiền não hộ. Chính đáng lìa gia hạnh Vô phân biệt Trí là chánh phương tiện."

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: "1/ Mạng hộ. Nghĩa là gìn giữ mạng căn người khác mà không gây hao hụt, hu hoại; hoặc giữ gìn chánh mạng của mình, không khởi nghiệp ác.

2/ Lực hộ. Nghĩa là bảo hộ Trí tuệ, dẹp trừ các ma oán. Hoặc giữ gìn thân lực, vì lợi ích cho người khác. Hoặc gìn giữ năm lực, dẹp tan ma oán, không chịu khuất phục.

3/ Tâm phiền não hộ. Nghĩa là giữ gìn đối với các phiền não, không

có tâm nhiễm ô. Vì bảo hộ chánh pháp, nên khởi các phiền não.

4/ Sai khiến người ác phá hoại chánh pháp. Nghĩa là chánh phương tiện hộ, dùng phương tiện khéo léo để tập hành chánh pháp. Lại, có bốn hạng có khả năng được Chánh Kiến cho đến chuyên chú vào một "duyên".

Pháp sư Thái nói: "Thích ứng với bốn Pháp tích này, do ba thứ Vô tham, vô sân và chánh niệm, nên lúc thực hành thanh tịnh. Do về sau, khi trụ chánh định, được thanh tịnh, nên có khả năng giải thích Luận."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Đối với các cảnh, không thuận, không tham; đối với cảnh, không trái, không sân; biết đúng mà thực hành, không si. Ba thứ hành này lúc "duyên" các cảnh hạnh, chánh hạnh thanh tịnh, chuyên chú một "duyên" chánh niệm. Từ đây về sau, lúc một thức trụ thanh tịnh."

Luận sư Cảnh nói: "Ba tâm tán trước "duyên" cảnh, gọi là lúc thực hành thanh tịnh; một thứ sau thì trụ chỉ định, gọi là thời gian trụ thanh tịnh.

Bốn hạnh năng chứng minh và giải thoát: do niệm lực, nên được Túc mạng minh; do nhãn, được Tử sinh trí minh; do tuệ, được Lậu tận minh. Lại, một minh sau, vì dựa vào thân, nên chứng hai giải thoát thân, tức là thân năm uẩn.

Bốn nghĩa là tánh động nhẹ v.v... Pháp sư Khuy Cơ nói: "Gió hay tạo và bị tạo, vì giống với nhẹ, nên gọi là nhẹ v.v... do tánh gió lay động, nên gọi là tánh lay động nhẹ v.v...

Kế là bốn cách ăn. Bốn pháp là dấu vết đủ của Thức, Nghĩa là bốn thức trụ. Pháp sư Khuy Cơ giải thích: "Kiến đã thu hướng năm sắc căn; thủ là sáu sắc cảnh sở duyên, cảnh giới sở y, "câu hữu", như thứ lớp phối hợp căn, pháp xứ, năm trần, nay cũng có thể là cảnh giới năm căn sở y, năm trần rơi vào sắc của Pháp xứ, đều cũng có Kiến lập, nghĩa là thức với căn, cảnh không lìa nhau mà kiến lập.

Bốn thứ ái mong cầu. Nghĩa là "Hữu ái" "có", "không", hợp thành thứ tư. Không hiểu rõ Niết-bàn là do dứt phiền não mà được, lại chấp thân đoạn, tức là Niết-bàn, rồi chấp tự thân ngang đây không có. Ái thân kông có cái có, gọi là không có " ái".

Bốn pháp khiến cho tác, không nên tác. Cái gọi là tham, sân, sợ hãi, vô minh.

Bốn vấn hý luận: đó là: Bốn luận như Nhất Hướng Ký, v.v...

Bốn ký của Nhân: đó là đối với Thật tướng của pháp, như hỏi: "Pháp thân của Như lai là chân giác tánh v.v... nên hoàn toàn ghi nhận,

nói là rõ ràng như thế.”

Hỏi: “Quả của người hơn, kém, nên phân biệt ghi nhận. So sánh với trời là kém, so với người là thì hơn, giấu kín chẳng hiển rõ ràng. Hỏi về nghĩa cũng chẳng phải một bề hỏi. Hỏi: người hơn, kém, lẽ ra là Cật vấn ký: “Ông hỏi về phương diện nào?” Như thế, xoay vần quan sát ý cong vạy của người kia, rồi vặn hỏi ngược lại vô cùng.

Hỏi: “Thật có hữu tình tác giả, thọ giả chăng?” Nên xả trí ký (ghi nhận bằng cách gác qua một bên).

Bốn ghi nhận của pháp. Hỏi về Thật tướng của pháp: “Chân như là thường chăng?” Lẽ ra là Nhất hướng ký. Hỏi: “Quả nghiệp trong thân các hữu tình, Dị thục đó có nhất định sinh chăng?” Với người “Hoặc” thấm nhuần đã hết thì Dị thục sẽ không sinh; đối với người “hoặc” thấm nhuần chưa cạn hết, thì Dị thục sẽ sinh.

Quan sát người kia hỏi đáp với ý dua nịnh, thì chỉ nên hỏi ngược lại, chứ không nên triển khai giải thích.

Hỏi: “Pháp thật của uẩn sẽ là “có”, “không” ư?” Nên gác qua không ghi nhận. Ký là ghi nhận riêng, ghi nhận giải thích riêng.

Đại khái, biện luận về đặt để ghi nhận có hai thứ: Hoặc có ngôn thuyết; hoặc không có ngôn thuyết.

- Có ngôn thuyết. Nghĩa là như nói: “Câu hỏi của ông, ở đây không nên ghi nhận.” Lại có người nói để ngăn dứt, cũng gọi là trí ký. Như Bà-Tú-La đã im lặng không đáp việc của Xa-Đề-La.

Phương tiện của bốn thứ nhiếp chúng. Tức là bốn sự nhiếp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hạnh, Đồng sự, như thứ lớp phối hợp.

Bốn thứ tử, như quyển năm trước đã giải thích.

Lại có bốn Đạo thanh tịnh:

1/ Chẳng phải căn công dụng viên mãn. Đây là bốn Hạnh tích, nghĩa là Khổ trì thông, Lạc tốc thông, như thứ lớp phối hợp: Độn căn, gọi là Trì; Lợi căn, gọi là Tốc; Vị chí và Địa Vô Sắc, gọi là Khổ. Định, tuệ một, vì riêng. Tĩnh Lự Căn bản, gọi là Lạc, vì hai Đạo chuyển. Dù địa Vị Chí gọi là có Hỷ lạc, nhưng vì chưa viên mãn, nên chỉ gọi là Khổ.

Căn công dụng. Nghĩa là luyện căn. Nhưng vì Bồ-tát dựa vào sự khác nhau của phàm, Thánh, nên không đồng với căn này. Cho đến Địa Thanh văn sẽ nói.

Trong bốn Đạo thanh tịnh, như Bà-sa nói: “Đối Pháp gọi là Chánh pháp, Điều phục gọi là Tỳ-ni.

Nay, ở đây không nêu Đối pháp là vì hai đạo trước, phần nhiều do

Phật nói. Đạo thứ ba, dù có Phật nói, nhưng phần nhiều là đệ tử Thánh nói, cho nên, trong văn này lược qua không nêu.

Một Lạc, mà khôn phải lợi ích v.v... Nghĩa là nhiêu ích của sinh, tử gọi là Lạc; nhiêu ích của xuất thế, gọi là Lợi. Các nghĩa sai khác, đối chiếu sẽ biết. Nghĩa là các quốc vương và chủ tế tự, giết ngựa để tế tự. Nghĩa là các quốc vương kia, thường có tâm lo sợ bọn cướp bóc, giặc thù v.v... vì hay khiến cho mình, người đều đau khổ, chẳng phải phước!

Bốn thứ ngữ mất có lỗi, đó là luống dối, chia rẽ, ly gián, thô ác và tạp uế.

Trong tăng năm, có năm môn hai mươi bốn thứ. Năm thứ là các dục thô nặng, chạy theo tụ hạnh, là năm uẩn hữu lậu, trái lại là năm uẩn vô lậu.

Năm thứ nhân hạnh v.v... mất lợi dưỡng. Luận sư Cảnh nói: "Ở đây nói về nhân mất lợi. Nếu người thọ dụng lợi dưỡng ở chỗ này, thì gọi là nhà đàn việt. Bảo vệ nơi chốn này, không cho tăng khác đến ở, tức là nhà keo kiệt.

Nếu từ người kia được, là thứ hai, từ thí chủ, tức thí chủ keo kiệt. Nếu vật đã được, nghĩa là vật đã thí này là vật thí keo kiệt thứ ba. Nếu đã làm được là do danh vặn nên được là danh vặn keo kiệt thứ tư.

Nếu người được như thế, là do dựa vào sự so sánh mà được khắp vật thí. Gìn giữ, luyến tiếc chỗ này, gọi là nơi chốn keo kiệt.

Kế là tổng kết: "Đối với các chỗ này, tâm sinh bỏn sẻn, luyến tiếc. Nghĩa là đối với năm xứ trước, vì sinh tâm bỏn sẻn luyến tiếc, nên mất lợi dưỡng kia trong hiện tại, và mất năm lợi dưỡng ở vị lai.

Pháp sư Thái nói: "Hoặc được lợi dưỡng, như chỗ quốc gia; hoặc từ Thí chủ kia được; hoặc đã được của vật v.v... hoặc đã làm như giữ giới được; hoặc phương tiện, như cầu thỉnh v.v..."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Đây tức là năm thứ keo kiệt mà Luận Thành Thật nói: "Nếu thọ lợi dưỡng ở chỗ này thì tức là Xứ keo kiệt. Nếu từ chỗ khác được thì là nhà keo kiệt, cũng gọi là Thí chủ keo kiệt. Nếu là vật đã được, thì đó là vật thí keo kiệt. Nếu đã làm được, thì gọi là khen keo kiệt. Nếu được như thế, nghĩa là pháp keo kiệt.

Trú xứ keo kiệt. Nghĩa là riêng mình ta ở nơi này, không cho người khác vào, dù có người khác thì ta cũng luôn làm chủ.

Nhà keo kiệt: Mỗi mình ta có ngôi nhà này, không chấp nhận người khác vào. Giả sử có người khác đến, thì ta là người hơn hết trong ngôi nhà đó. Vật cho keo kiệt: Một mình ta lấy vật này, không dùng cho

người khác, dù có cho người di nữa, nhưng riêng của ta vẫn nhiều hơn.

Khen ngợi keo kiệt. Nghĩa là khen ngợi riêng mình ta, chớ khen ngợi người khác, dù ca ngợi người khác, đừng để cho họ hơn ta.

Pháp keo kiệt. Nghĩa là riêng mình ta có khả năng biết nghĩa của các kinh giáo, chớ để cho người khác biết. Dù cho có người có thể biết, nhưng họ đều thua ta xa.

Nay, lại xếp năm thứ keo kiệt này là sự mất mát đều nhân hành, nghĩa là có chung, có riêng. Nói chung là năm đều mất lợi ích hai đời, trái với Niết-bàn. Nói riêng, thì bốn thứ trước là mất nhân hạnh lợi dưỡng; một thứ sau, là trái với nhân hạnh Niết-bàn.

Lại, có năm pháp khiến người tu hành: Trước là hủy tịnh giới, tức là năm cái. Hai thứ trước là hủy tịnh giới; ba thứ sau, hủy học rộng, thiếu chỉ, quán, không thể lãnh thọ là cái hôn-trầm, thùy miên; quân là cái Điệu cử, Hối hận; Bất định là cái nghi. Cũng có thể do hai cái tham dục, sân nhuế, nên hủy tịnh giới, học rộng. Do hai cái Hôn, miên, Diệu, hối, nên khiến cho thiếu chỉ quán; do cái nghi, nên thiếu ách thiện.

Thể của phần dưới. Nếu theo tát-bà-đa (Hữu Bộ) thì phần dưới có hai nghĩa:

1/ Chúng sinh trở xuống là nói thân kiến, giới thủ, nghi.

2/ Là cõi Dục dưới, nghĩa là tham, sân. Nếu theo Đại thừa, thì như luận này nói có hai thứ phần dưới, không đồng với tát-bà-đa. Nói theo phần dưới của Kiến đạo.

Ba kiết: Không vượt qua cõi ác, Biên kiến theo Thân kiến; Kiến thủ theo Giới thủ. Tà kiến vì theo nghi sinh, nên nói căn bản ba, tức gồm thâu sáu cuối. Tướng si có ở cả ba cõi; sân, tham thêm ở cõi Dục, chỉ nói Tham Nhuế, tức bao gồm ngu si. Vì không vượt ngoài cõi dưới, nên chỉ nói năm là kiết phần dưới. Lại, do thân kiến không thú hướng về giải thoát, do giới cấm thủ mê chánh, chạy theo nẻo tà. Do nghi, vì nghi ngờ chánh đạo, nên che lấp giải thoát. Chỉ có ba thứ đầu là nhân của đường ác .

Không có biết khác nhau trong năm phần trên.

Luận sư Cảnh nói: "Vì chia tham làm hai, nên nói là không khác nhau."

Pháp sư Khuy Cơ nói: "Dựa vào giới để biện biệt, về Kiết, vì không dựa vào người, nên gọi là không có khác nhau. Ba thứ còn lại, dựa vào người để nói về Kiết, gọi là có khác nhau. Do không có Kiết khác nhau, nên lấy phần sinh ở trên. Do có Kiết khác nhau, nên không bỏ phần sinh ở trên.

Năm thứ không kỉnh tín... Pháp Sư Cảnh nói:"

1/ Đối với Đại sư, không kỉnh tin, ba học chánh pháp, không tin, đã nói không cung kính, cộng với trước là bốn. 5/ đối với người đồng nói phạm hạnh, không tin, không kỉnh, nghĩa là người chánh giác phát; người chánh giáo thọ; người chánh dạy răn là những người đồng phạm hạnh."

Cơ Pháp sư cũng đồng với các giải thích này.

Pháp sư Thái nói: "1/ Đối với Phật; 2/ Đối với Pháp; 3/ Đối với hành; 4/ Đối với Tăng; 5/ Đối với bạn.

Nói chánh giác phát, nghĩa là ngang đồng. Nếu theo Pháp sư Khuy Cơ giải thích rằng ba đồng phạm hạnh. Nay, giải thích về ba người nói trên, như thứ lớp: 1/ Hòa-thượng; 2/ A-Xà-Lê. Người đồng phạm hạnh, là người đồng học.

Năm thứ tà hạnh:

1/ Đối với kẻ thù, khởi sân.

2/ Đối với người thân, phá hoại.

3/ Thường muốn cho người khác sinh ưu phiền, khổ não, nên gây ra chuyện không lợi ích.

4/ Phá hoại thi-la của mình.

5/ Hành ba hạnh ác. Tại hại lỗi lầm của hai thứ đẳng lưu trong đây, nghĩa là do giận kẻ oán. Do phá hoại người thân, nên bạn thân chống đối, lìa bỏ. Do làm những việc không lợi ích, vì khiến người khác sinh khổ, các thứ ưu khổ luôn hiện ở trước. Ba thứ này là quả Đẳng lưu của đời sau:

Một thứ tai hoạn lỗi lầm đẳng lưu hiện pháp. Nghĩa là vì phá hoại giới của mình, nên thường ăn năn khi sắp qua đời.

Một thứ tai họa lỗi lầm của pháp Dị thục sau: Nghĩa là vì thực hiện ba hạnh ác, nên về sau, đọa vào đường ác.

Ngu thời tiết: là ngu về thời tiết, sát-na sinh diệt, vô thường, chấp là thường.

Ngu phần vị. Nghĩa là ngu phần vị của ba thọ, đối với khổ, chấp là vui.

Ngu tự tánh. Nghĩa là ngu tánh của năm uẩn, không có ngã mà chấp là ngã.

Thứ tư mong cầu lợi dưỡng. Thứ năm, là cầu mạng sống, gọi là năm pháp sở trị.

Hai hạnh vượt hơn:

1/ Định thắng hạnh.

2/ Trí thắng hạnh.

Định thắng hạnh có bốn:

1/ Nhờ nghe, dựa vào ngôn luận của Thánh đế, nên giải thích đúng về nghĩa pháp.

2/ Nhân lớn tiếng đọc bài tụng kinh điển.

3/ Biểu dương nghĩa nhiệm mầu cho người khác nghe .

4/ Ở chỗ vắng, xem xét Đế, tư duy, như đối với nhân lắng nghe, nhân tiếng nói lớn v.v... giải thích đáng về nghĩa pháp, phải biết rằng cũng thế.

Trí thắng hạnh. Nghĩa là tư duy đối trừ tham dục của phẩm trên, đây là nghĩa thứ năm, thích hợp với năm thứ giải thoát của Tỳ-đàm.

Năm hạng hành giả tu quán. Nghĩa là Tín Bồ-đề, và Niết-bàn là hai; ý lạc vô gián, ân cần, trân trọng tu tập Chánh trí là thứ ba, tức văn, Tư tuệ; Xa-ma-tha là thứ tư; Tỳ-Bát-Xá-Na là thứ năm, tức Tu tuệ. Ba hạng sau, gọi là Phương tiện đầy đủ.

Lại, do thành tựu phương tiện v.v... ý lạc như trước đã nói: Một "Lại nữa" này đồng với kỉnh tin v.v... mạnh mẽ, nhạy bén về Bồ-đề, Niết-bàn ở trước. Nhưng đây là y cứ sinh ra hiện quán vì có công năng vượt hơn, nên về sau, sẽ nói riêng.

Kế là nói về năm Bất hoàn. Hai Bất hoàn ở Sơ Tĩnh lự, mới thọ sinh rồi, được bát Niết-bàn. Luận Đối Pháp chép: "Sinh cõi Sắc xong, Thánh đạo hiện tiền. Đây là dựa vào người trước khi lìa dục cõi Sắc mà nói, chứ chẳng phải nhất định chỉ có thể, mà trong Địa Thanh văn sẽ phân biệt rộng."

Hỏi: "Đối Pháp v.v... nói Trung, Bát có ba loại, từ Sơ Tĩnh lự kia đắc quả xong, thì nhập Vô Dư ngay? Vì sao bốn thứ còn lại, Bất hoàn đắc Hữu dư, đã chẳng nhập vô dư ngay? Ba loại Trung, Bát vì sao tùy theo ba loại kia được Hữu Dư rồi, liền nhậpVô Dư ư?"

Đáp: "Do bốn Bát còn lại cả hai sinh Kiết, Khởi Kiết đều chưa hết. Thời kỳ sinh hữu kéo dài, vì thế lực của kiết kia mạnh mẽ, nên đầu tiên được Hữu Dư rồi, chẳng phải nhập Vô Dư ngay. Sinh kiết của Trung, Bát Bất hoàn đã hết, Kiết khởi dù ở vào thế yếu kém kia, huống chi Trung Hữu sinh thế lực kia chỉ bảy ngày, cho nên Kiết yếu kém, được Hữu Dư rồi, tức là nhập Vô Dư y.

- Nếu theo kinh Niết-bàn nói thì: "Trung, Bát có bốn thứ tâm, nghĩa là tâm Thọ sinh; tâm Mạng chung; tâm Học và tâm Vô học.

Hai tâm học Bát Niết-bàn, nghĩa là Tâm học, Tâm phi học, Phi vô học. Pháp sư Viễn nói: "Thật sự là tâm vô học chứng Niết-bàn, mà nói

là tâm học, vì đây là từ nhân mà nói." Lại nói: "Tâm vô học chứng Hữu Dư; Tâm Mạng chung, thì hướng đến Vô Dư.

Luận sư Cảnh nói: "Sức của Đạo Vô ngại được quả hữu vi, vô vi, nên Tâm học chứng A-lại-da, tác động tâm Mạng chung, nhập Vô Dư, cho nên nói rằng: "Tâm Phi học, Phi vô học." Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: "Kinh Niết-bàn kia nói: "Hai trong bốn thứ tâm là hai Niết-bàn chẳng phải Niết-bàn," nghĩa là lấy tâm Vô học để nhập Hữu dư y; lấy tâm thứ tư nhập Vô Dư y, vì hai tâm trước chẳng phải. Lại nữa, đây là nói về địa vị dưới, nên nhập Vô Dư y, trước phải nhập định Vô tướng, tức là ý thức thứ sáu của tâm Vô học này. Phi học, Phi vô học kia tức là thức thứ tám. Nếu nhập Diệt định mới nhập Niết-bàn, thì chỉ có Thức này.

Năm thứ tu quán hạnh. Nghĩa là ba thứ Dục, Nhuế, hại, hữu vi, vô vi. Tướng Niết-bàn thứ tư của Đẳng Chí Sắc, Vô Sắc là thứ năm.

Kết hợp trong tăng sáu có mười sáu môn. Nghĩa là dựa vào sáu tướng để nói về sự khác nhau v.v... của tám thứ hữu tình: Sáu căn; sáu cảnh; sáu thức; sáu Xúc; sáu Thọ; sáu Tưởng; sáu Tư và sáu Ái.

Sự khác nhau về, sở y (Đối tượng nương tựa) của "ngã", là sáu căn; sự khác nhau của cảnh giới là sáu cảnh; sự khác nhau của tự tánh là sáu Thức. Vì chấp làm tự tánh của "ngã", nên sự khác nhau của nhân Thọ dụng là sáu Xúc, vì là nhân của Thọ. Sự khác nhau của Thọ dụng là sáu Thọ. Tùy theo nói sự khác nhau của sáu tưởng, là nói nhân. Tác dụng sự khác nhau sáu Tư. Sự hy vọng khác nhau là thân của sáu Ái, cũng là sáu Dục. Do đối với sự ái, phi ái, hy vọng muốn làm tự tánh.

"Đối với những sự khác nhau v.v... như thế" trở xuống, là nói dựa vào sáu Tướng, để nói về về tám sự.

"Ngã" dựa vào nhãn v.v... là tướng ban đầu.

"Ngã" đối với các cảnh như sắc v.v... là tướng thứ hai.

Người kia chấp thức là "ngã", gọi là sự tự tánh khác nhau. Trong căn, cảnh chung v.v..., nên nói mỗi mỗi là do Xúc và Thọ là tướng thứ ba. Dựa vào một tướng nói là Xúc và sự Thọ có tên như thế, cho đến khởi theo ngôn thuyết là tướng thứ tư, tạo tác tất cả hạnh pháp, phi pháp, là tướng thứ năm.

Đối với sự khả ái, cho đến không dừng lại sự tổn bớt là tướng thứ sáu. Trong sự phi ái, chưa được hy vọng không hợp, dù hợp với hy vọng mà không trụ, dù trụ cũng tổn bớt.

Luận sư Cảnh nói: "Trong sự khác nhau như thế v.v..." trở xuống, là nói lại thứ lớp khởi tám thứ sáu tướng ."

Lại, đối với thật học, có sáu thứ khinh miệt. Nghĩa là đối với Tam bảo, nên tin, hay không tin. Đối với ba học, nên được, không được. Do ác ngữ, nên hoàn toàn không có sở đắc, nghĩa là được giới tăng thượng.

Thối mất tất cả pháp thiện đã có, tức nên tin, không nên tin, nên được, không được. Phần vị bình đẳng, nghĩa là vì tham lấy thuận với duyên.

Lại có sáu thứ rất thanh tịnh v.v... tức sáu hằng trụ. Lại có sáu pháp, cho đến cho rằng bốn đại chủng không giới, Thức giới, nghĩa là sở y của sắc cho là Đại chủng; sở y của phi sắc, cho là Thức giới; sở y (đối tượng nương tựa) của hành động, cho là Không giới, cho nên, chỉ nói sáu để thành hữu tình. Do lời nói đầu tiên này là các sắc căn, và nơi chốn nương tựa, tùy theo đối tượng nương tựa thích hợp với căn kia.

Ba chỗ khó vượt qua: Ở đây có hai nghĩa:

1/ Sở trị (đối tượng trị) có ba. Vì năng trị (chủ thể trị) có ba, nên gọi là sáu pháp.

2/ Ở đây lấy sáu đối trị, nghĩa là Bốn vô lượng, tức là bốn Đẳng-trì Vô tướng là thứ năm. Ngã mạn hết hẳn là thứ sáu. Sáu pháp có công năng dứt trừ căn bản tranh cãi, tức sáu hòa kính, như Tỳ-ni nói.

Oai đức rốt ráo. Nghĩa là năm Thông trước cũng ở Hữu học phàm phu mà chưa hết lậu, nên nói gồm thâu Oai đức. Một thông sau, ở địa vị Vô học lậu tận, nên nói gồm thâu rốt ráo.

Theo Luận Trí Độ thì Lậu tận thông, Bồ-tát cũng có. Nay, vì y theo Nhị thừa nên nói rằng: "Đại khái có sáu thứ làm che lấp pháp hiện quán Đế." Nghĩa là ba ngu khỏi ba đảo trong tăng năm môn ở trước kia, tức là ba; theo quy định mong cầu lợi dưỡng là thứ tư; hy vọng mạng sống lâu là thứ năm, năm thứ này đồng với trước.

"Sự Khác nhau trong đây..." trở xuống, là giải thích chướng sáu, vì ở trước không có.

Nói "cho nên nói", đây là ở trong phần sáng suốt, chứ chẳng phải ở trong phần giải thoát thành tựu. Phần thành tựu, nghĩa là Đạo gia hạnh. Phần sáng suốt là Đạo tư lương. Sáng lập sự mong cầu tuệ Vô lậu sáng suốt, nên ở phần sáng suốt, khởi lên sáu chướng này, chứ chẳng phải ở phần thành tựu, vì che lấp hiện quán Đế.

"Lại, thân người, trời" trở xuống, là nói về nhập địa vị Thánh là sáng suốt trên hết, từ trời, người được chứng quả Thánh, gọi là từ sáng suốt đi vào sáng suốt. Trong sự sáng suốt của người, trời, mà khởi lên chướng này, chứ chẳng phải ở địa vị thành tựu sau khi nhập Thánh

Khởi; Nói là năm thứ chấp lấy tướng như ở trước đã nói. Nghĩa là đối với tăng năm môn về tướng Vô thường, khổ, vô ngã, về tướng nghịch, ác của cách ăn, về tướng trung, yểu của mạng. Vì hướng về Niết-bàn, nên thực hành giới; vì nhắm vào tiền của, tài sản, nên thực hành thí cho, vì hướng về sinh lên cõi trời, nên hành giả tu.

Sáu pháp gọi là Vô thượng là:

1/ Gặp Đại sư.

2/ Nghe chánh pháp.

3/ Được tịnh tín.

4/ Tùy học học Xứ.

5/ Ở chỗ Đại sư, khởi hạnh tùy niệm.

6/ Ở chỗ Đại sư, cung kính, thừa sự, cúng dường.

Tăng bảy, kết hợp với mười lăm môn, Niệm chung cho cả hai phẩm. Nghĩa là trước kia có nhân, có trụ, trong chánh Tam-ma-địa của Thánh, Niệm là phần của định. Về sau, thêm Chánh niệm, Chánh định, trong tám, gọi là tu định v.v... Ở đây nói rằng chung cho cả hai: Tu sinh ở định, Niệm tùy định tăng, là ghi rõ về chỉ quán. Về lý, thì có cả Định, tuệ, che lấp định, giải thoát, chứ chẳng phải phiền não che lấp giải thoát, nên Kiến lập thân chứng v.v... Nghĩa là về thể của chướng định kia, có nghĩa của hai Sư:

Ngài An tuệ v.v... nói: "Trong tâm ba tánh đều có pháp chấp, trong đó có thuyết nói: "Duyên Khởi Luận của Thế thân Bồ-tát chép: "Vô minh có cả ba tánh, ba tánh tâm hữu lậu và "câu Vô minh" làm thể che lấp định vô lậu. Các tán chẳng phải tâm thiện và "câu Vô minh" là thể che lấp định hữu lậu."

Ngài Hộ pháp v.v... nói là không đúng.

Du-già v.v... nói: "Vô minh có hai: Bất thiện và vô ký. Vì Du-già không nói Vô minh có tánh thiện, nên Vô minh che lấp định là chướng Sở tri (che lấp sở tri). Dù hai tâm có, mà là tánh Vô ký, vì thuộc về Dị thục sinh trong tám tâm cõi Dục."

Đối Pháp quyển hai chép: "Có hai thứ pháp nên dứt trừ, đó là tánh của các phiền não và Thọ sở y. Vì phiền não đoạn, nên lập ra Trạch diệt; vì hai Thọ đoạn, nên lập ra Bất động và Tưởng, Thọ diệt, tức chứng tỏ Dị thục sinh che lấp định; thọ và "câu Vô minh" đều lấy làm tự tánh. Sự lãnh thọ thấp kém nên không thể tiến tu các tánh chất cứng, nhám, trong định vượt hơn. Đây là nói hạnh riêng. Nếu tâm nhiễm đều có tất cả, thì đều đúng. Trong hai mươi bảy Hiền, Thánh, bảy thứ hạnh này là quả chung đầu tiên. Hai mươi thứ khác dựa vào sự Kiến lập riêng, nên

chỉ nói bảy thứ này.

Lại, vì bảy thứ hạnh của ba nhân duyên, nên đồng nghĩa là thu nhập, an trụ; nhiếp Thọ, gọi là ba nhân duyên. Chánh kiến, Chánh tư duy, gọi là nhân duyên thu nhập đầu tiên Chánh ngữ, Nghiệp, Mạng, gọi là nhân duyên An trụ. Chánh Tinh tấn, Niệm, gọi là nhân duyên Nhiếp thọ.

Do bảy chi đạo của ba nhân duyên này, nên khiến cho nội tâm, tâm định không, chính một duyên.

Niềm vui do bảy Thánh tài sinh ra, nghĩa là tín, giới, tàm, quý, văn, xả, tuệ, như thứ lớp phối hợp. Sức của phẩm Bảy ma theo thứ lớp ấy trái với bảy Thánh tài.

Lại, có bảy pháp sở bị đối trị của Niết-bàn, nghĩa là đối với sự suy tổn ban đầu, có một đối trị, với thể là tham dục, suy tổn thứ hai, có hai đối trị: 1/ Với Đạo; 2/ tâm không tin hiểu về quả của Đạo. Đối với suy tổn thứ ba, có bốn đối trị, nghĩa là biếng nhác; thất niệm; Tâm loạn và Ác tuệ. Vì hai căn bất thiện của bảy nhân này khởi, nên gọi là phẩm loại.

Thân khác với hoại dưới trong bảy thức trụ, là thứ nhất, thân khác, tưởng khác, Phải biết rằng, với thân này trở xuống, là thứ hai thân một, tưởng một. Từ Phạm Thế trở xuống, là thứ ba thân khác, tưởng một. Từ Tĩnh lự thứ hai trở xuống, là thứ tư, thân một, tưởng khác. Văn tóm lược không nói ba Vô Sắc trở xuống."

Hỏi: "Ở cõi trời Quan Âm, sinh trước, sau khác có sợ, không sợ, lẽ ra cũng ở Tĩnh lự thứ ba, trước, sau sinh khác nhau, thấy thủy tai ở cõi dưới, lẽ ra cũng có sự sợ hãi, không sợ hãi chăng?."

Giải thích: "Hỏa tai thấy từ Địa dưới hướng lên Địa trên, nên sinh sợ hãi; còn thủy tai xuất phát từ Địa trên xuống Địa dưới, nên dù có thấy, nhưng không sợ hãi."

Hoặc theo Bà-sa bình luận rằng: "Sự sợ hãi có tự tánh riêng, là thuộc tâm sở, chỉ ở cõi Dục, thậm chí La-hán cũng có sự sợ hãi, chỉ trừ đức Như lai."

Hỏi: "Nếu vậy, thì vì sao khi kiếp hỏa khởi, trời Sắc lại có sự sợ hãi?"

Đáp: "Vì trời sắc kia nhàm chán sự giả tạm, nên gọi là sợ. Đo đó, nên không có lỗi. Nhưng Du-già quyển mười tám này nói rằng: "Sự sợ hãi là phẩm nhuế."

Đây là vì y cứ ở sự sợ hãi của cõi Dục, nên nói như thế.

Bảy thứ thô nặng. Tức bảy tùy miên, lại, có bảy pháp khiến tranh

cãi được chấm dứt, tức bảy pháp Diệt tránh: 1/ Tỳ-ni Hiện tiền.

2/ Tỳ-ni Ức niệm. 3/ Tỳ-ni Bất si.

4/ Tỳ-ni Tự ngôn Trị.

5/ Tỳ-ni Bất kiến tội tướng.

6/ Tỳ-ni Đa nhân bất kiến tội tướng.

7/ Tỳ-ni Như thảo phu địa, như thứ lớp phối hợp bảy thứ vi phạm sự tranh cãi ở dưới.

Bảy Tỳ-ni này diệt trừ bốn tranh cãi, cái gọi là ngôn tránh, bất kiến tránh, sự tránh v.v... rộng như luật nói.